

Class : PN1

		参加人数= 10				参加台数 10											
順位	氏名	クラブ	参加	有効	取得	有効	NC.ASC	C.S.C.C.	AG.MSC	THIBAUT	C.S.C.C.	TOSC	NC.ASC				
1	米澤 匠	N.C.ASC	1	1	20	20	1	20									
2	由田 兼三	N.C.ASC	1	1	15	15	2	15									
3	伊藤 大将	N.C.ASC	1	1	12	12	3	12									
4	山口 武人	NK	1	1	10	10	4	10									
5	帷子 浩義	AG.MSC北海道	1	1	8	8	5	8									
6	水野 洋	N.C.ASC	1	1	6	6	6	6									
7	関根 大雄	team SCENE	1	1	4	4	7	4									
8	高野 一徳	AGH GRG	1	1	3	3	8	3									
9	三輪 紀仁	AGH GRG	1	1	2	2	9	2									
10	依田 秀臣	team SCENE	1	1	1	1	10	1									

Class : BC1

		参加人数= 7				参加台数 7											
順位	氏名	クラブ	参加	有効	取得	有効	NC.ASC	C.S.C.C.	AG.MSC	THIBAUT	C.S.C.C.	TOSC	NC.ASC				
1	成瀬 悠人	B.B北海道	1	1	20	20	1	20									
2	築山 拓也	T-FH	1	1	15	15	2	15									
3	宮田 祐次	team SCENE	1	1	12	12	3	12									
4	長南 明宏	C.S.C.C.	1	1	10	10	4	10									
5	ナツキ	N.C.ASC	1	1	8	8	5	8									
6	石川 晋	team SCENE	1	1	6	6	6	6									
7	山口 智	N.C.ASC	1	1	4	4	7	4									

Class : BC2

		参加人数= 5				参加台数 5											
順位	氏名	クラブ	参加	有効	取得	有効	NC.ASC	C.S.C.C.	AG.MSC	THIBAUT	C.S.C.C.	TOSC	NC.ASC				
1	笠原 康彦	N.C.ASC	1	1	20	20	1	20									
2	逸見 将吾	N.C.ASC	1	1	15	15	2	15									
3	小野寺 俊	C.S.C.C.	1	1	12	12	3	12									
4	大川龍之介	MSC.Do	1	1	10	10	4	10									
5	木村 司	T-FH	1	1	8	8	5	8									



JAF北海道地域クラブ協議会  
JMRC HOKKAIDO



Class : R-ECO

参加人数= 4 参加台数 4

順位	氏名	クラブ	参加	有効	取得	有効	NC.ASC	C.S.C.C.	AG.MSC	C.S.C.C./AG	0	THIBAUT	C.S.C.C.	TOSC	NC.ASC	
1	矢口 泰成	B.B北海道	1	1	20	20	1	20								
2	森本 里美	AG.MSC北海道	1	1	15	15	2	15								
3	野坂 壮平		1	1	12	12	3	12								
4	佐々木正登	ROC-H	1	1	10	10	4	10								

Class : R-AT

参加人数= 1 参加台数 1

順位	氏名	クラブ	参加	有効	取得	有効	NC.ASC	C.S.C.C.	AG.MSC	C.S.C.C./AG	0	THIBAUT	C.S.C.C.	TOSC	NC.ASC	
1	丸田 敦士	TOSC	1	1	20	20	1	20								

Class : R-1

参加人数= 12 参加台数 12

順位	氏名	クラブ	参加	有効	取得	有効	NC.ASC	C.S.C.C.	AG.MSC	C.S.C.C./AG	0	THIBAUT	C.S.C.C.	TOSC	NC.ASC	
1	向中野 凌	MIT.ACS	1	1	20	20	1	20								
2	木村 朝基	N.C.ASC	1	1	15	15	2	15								
3	小石 翔太	AGH GRG	1	1	12	12	3	12								
4	沓澤 大祐	N.C.ASC	1	1	10	10	4	10								
5	小畑 涼介	BB北海道	1	1	8	8	5	8								
6	古崎 翔汰	N.C.ASC	1	1	6	6	6	6								
7	櫻庭 遥希	M.S.C.DO	1	1	4	4	7	4								
8	澤 慶亘	B.B北海道	1	1	3	3	8	3								
9	角野 修平	T-FH	1	1	2	2	9	2								
10	有田かんな	AGH GAG	1	1	1	1	10	1								
	久乗 遼市	N.C.ASC	1				11									
	杉本 剛	N.C.ASC	1				12									

Class : R-2

有効5戦

参加人数= 3 参加台数 3

順位	氏名	クラブ	参加	有効	取得	有効	NC.ASC	C.S.C.C.	AG.MSC	C.S.C.C./AG	0	THIBAUT	C.S.C.C.	TOSC	NC.ASC	
1	川尻 尚克	N.C.ASC	1	1	20	20	1	20								
2	長谷川 皓平	N.C.ASC	1	1	15	15	2	15								
3	伊藤 健太	BRAIN	1	1	12	12	3	12								

Class : 86/BRZ

有効6戦

参加人数= 7 参加台数 7

順位	氏名	クラブ	参加	有効	取得	有効	NC.ASC	C.S.C.C.	AG.MSC	C.S.C.C./AG	0	THIBAUT	C.S.C.C.	TOSC	NC.ASC	
1	北村 拓也	AGH GRG	1	1	20	20	1	20								
2	倉岡 克行	C.S.C.C.	1	1	15	15	2	15								
3	山内 見音	N.C.ASC	1	1	12	12	3	12								
4	金内 洋子	N.C.ASC	1	1	10	10	4	10								
5	森 聡司	N.K	1	1	8	8	5	8								
6	菅原 隆三	GRG SAD MSC	1	1	6	6	6	6								
7	佐々木 寛爾	AG.MSC北海道	1	1	4	4	7	4								

1) 北海道シリーズチャンピオン部門各クラス年間シリーズ表彰は6位までとする。北海道シリーズミドル部門各クラスは、当該年度、当該クラスに3回以上参加出走することを条件とした有効ポイントを持つ参加者の50% (小数点以下切り上げ)を表彰対象者とし最大6位までを表彰する。但し、その参加者の50%が3名に満たない場合であっても3位までを表彰する。



JAF北海道地域クラブ協議会  
JMRC HOKKAIDO

